

Bản án số 66/2018/HSST  
Ngày 14 tháng 11 năm 2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hà Thiện Thành  
*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đình Phong  
Ông Đinh Công Hiến

*Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Bùi Hồng Mơ - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà:* Bà Vũ Như Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2018/HSST ngày 17/10/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn S** (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1992; tại xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ; trú tại thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P; vợ Lê Thị T và có 03 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 21/8/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

**2. Dương Văn Q** (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1999; tại xã N, huyện H, tỉnh N; trú tại thôn P, xã N, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C và bà Trịnh Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 21/8/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

**\* Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông **Dương Văn C**, sinh năm 1964; trú tại thôn P, xã N, huyện H, tỉnh N; Có mặt tại phiên toà.

Anh **Lê Văn V**, sinh năm 1984; trú tại phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

**\*Người làm chứng:**

Ông **Vũ Văn C1**, sinh năm 1971; Vắng mặt tại phiên toà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn S và Trần Văn L, sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã N, huyện H, tỉnh N đều là người sử dụng ma túy và có quen biết nhau. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/8/2018, L gọi điện thoại rủ S cùng sử dụng ma túy đá, S đồng ý và hẹn L đón tại khu vực chân cầu N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ. Sau đó, L điện thoại cho Dương Văn Q, (bạn của L và đã từng sử dụng ma túy đá cùng nhau) nhờ đi đón S, Q đồng ý rồi điều khiển xe mô tô BKS 35N6-\*\*\*\* đến khu vực cầu N, thuộc địa phận xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Sinh gặp Q, S nói: *“Em xem có chỗ nào cấm điện thoại không, mua ít đồ về chơi”* – Ý muốn cầm đồ điện thoại di động để lấy tiền mua ma túy về sử dụng. Q điều khiển xe mô tô chở S đến quán điện thoại di động L, của anh Lê Văn V, sinh năm 1984, trú tại phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh N. S đưa cho Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu đỏ; Q cầm chiếc điện thoại trên được 600.000 đồng và đưa cho S, còn giấy biên nhận Q bỏ vào túi quần của mình. Sau đó, Q điều khiển xe chở S đến chân cầu N, thuộc địa phận thành phố N, tỉnh N thì dừng xe, S cầm lái điều khiển xe mô tô chở Q qua cầu N sang địa phận xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ. Khi qua cầu N khoảng 30m, S gặp một người đàn ông không quen biết đang đứng ven đường bên trái. S điều khiển xe mô tô đỗ gần vị trí người đàn ông và hỏi: *“Anh ơi có đồ không để cho em sáu trăm”* – ý hỏi người đàn ông mua ma túy đá với giá 600.000 đồng. Người đàn ông nói: *“Đưa tiền đây”*. S lấy 600.000 đồng đưa cho người đàn ông, người này cầm tiền rồi đưa lại cho S 02 túi nilon màu trắng, bên trong đều đựng các tinh thể màu trắng. S không mở ra kiểm tra, nhưng xác định đó là hai túi ma túy đá nên cầm ở tay trái và điều khiển xe mô tô chở Q đi tìm chỗ sử dụng ma túy. Trên đường đi, S đưa Quân 01 túi ma túy, còn 01 túi ma túy đá S cất vào túi quần bên phải phía trước. Khoảng 22 giờ cùng ngày, S dừng xe trước cổng khách sạn H, thuộc xã G, huyện V. Q đứng đợi bên ngoài, còn S đi bộ vào trong khách sạn để tìm bạn. Khi Q đang đứng đợi ở ngoài thì gặp Tổ công tác Công an huyện V phối hợp với Công an xã G tiến hành tuần tra kiểm soát. Thấy Q đang đứng trước cổng khách sạn H, tổ công tác yêu cầu kiểm tra. Q tự nguyện giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon màu trắng kích thước (2x2)cm, trên miệng túi có viền chỉ màu đỏ, bên trong đựng các hạt tinh thể màu trắng và khai nhận đó là ma túy đá một người bạn mới quen tên S đưa cho rồi đi vào khách sạn H có việc. Tổ công tác tiếp tục tiến vào khách sạn kiểm tra, phát hiện tại khu vực sảnh tầng 1 của khách sạn H một nam thanh niên khai tên Nguyễn Văn S. S lấy từ túi quần bên phải phía trước ra 01 túi nilon màu trắng kích thước (2x2)cm, trên miệng túi có viền chỉ màu đỏ, bên trong đựng các hạt tinh thể màu trắng tự giác giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận đó là ma túy đá Sinh mua về để sử dụng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản, niêm phong 02 túi nilon thu giữ của S, Q. Ngoài ra còn thu giữ của Q 01 xe mô tô BKS 35N6-\*\*\*\*; 01 giấy biên nhận cầm đồ ghi thông tin của cửa hàng điện thoại

Lê V; thu giữ của Sinh 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A112 vỏ màu xanh đã qua sử dụng.

Ngày 21/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu đỏ đã qua sử dụng tại cửa hàng điện thoại di động Lê V, của anh Lê Văn V, sinh năm 1984, trú tại phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh N.

Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong 02 gói nhỏ gói ngoài bằng nilon, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng, ký hiệu M1, M2 thu giữ của Nguyễn Văn S và Dương Văn Q để gửi đi xác định trọng lượng và giám định chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 164/KLGĐ-PC54-MT ngày 21/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: **Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,2491gam, M2 có khối lượng 0,2142 gam. Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1, M2 đều là ma túy, loại Methamphetamine.**

**Methamphetamine là chất ma túy, thuộc bảng danh mục II, số thứ tự 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.**

*Hoàn lại đối tượng giám định gồm:*

- 0,1416 gam chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1; 0,1441 gam chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2, đều là ma túy, loại Methamphetamine.

- Toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu.

*(Tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 164/2018/GĐMT theo đúng quy định pháp luật)*

Tại bản Cáo trạng số 67/CT-VKS-GV ngày 16/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N đã truy tố **Nguyễn Văn S và Dương Văn Q** ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N để xét xử về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S và Dương Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lê Văn V trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 19/8/2018, Dương Văn Q có thể chấp cho anh V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu đỏ, để vay số tiền là 600.000 đồng, anh không biết việc Q vay tiền để đi mua ma túy; sau khi vụ án xảy ra anh mới biết. Hiện nay, anh đã giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu đỏ cho cơ quan Công an. Chị Lê Thị T đã trả số tiền 600.000 đồng cho anh. Do vậy, anh V không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Ông Dương Văn C trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 19/8/2018, ông có cho bị cáo Q mượn xe mô tô BKS 35N6-\*\*\*\*, ông không biết việc bị cáo mượn xe của ông để sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy, sau khi vụ án xảy ra ông mới biết. Hiện nay, ông đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe mô tô BKS 35N6-0\*\*\*\* và ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn S, Dương Văn Q** phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2018.

Xử phạt bị cáo Dương Văn Q từ 13 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2018

**Về xử lý vật chứng:** Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì theo quy định trên phong bì ghi số 164/2018/GĐMT, bên trong đựng: 0,1416 gam chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1; 0,1441 gam chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M2, đều là ma túy, loại Methamphetamine; toàn bộ vỏ bao gói niêm phong. 01 phong bì thư dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật, bên trong đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định trọng lượng gồm: 02 vỏ túi nilon màu trắng đều có kích thước (2x2)cm, trên miệng hai túi đều có viền chỉ màu đỏ; 02 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83 vỏ màu đỏ, do anh Lê Văn V giao nộp, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội;

Trả lại bị cáo Dương Văn Q 01 điện thoại di động Masstel A112 vỏ màu xanh là tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S, Dương Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản vụ việc, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 19/8/2018, tại khu vực khách sạn H, thuộc thôn G, xã G, huyện V, tỉnh N, Nguyễn Văn S và Dương Văn Q có hành vi cất giấu trái phép 0,4633 gam Methamphetamine với mục đích sử dụng.

Bộ luật Hình sự quy định:

***Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.***

*“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm :*

...

*c) Hêrôin, côcaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

...

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S và Dương Văn Q đã nêu trên là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo các bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Đối với Nguyễn Văn S là người biết chỗ bán ma túy nên S đã chủ động rủ Dương Văn Q và đưa điện thoại của mình cho Q cầm cố lấy tiền đi mua ma túy, để cả hai cùng sử dụng. Bản thân S còn là người trực tiếp thực hiện hành vi cùng Q đi mua ma túy và cất giấu 0,2491 gam Methamphetamine. Do vậy, Nguyễn Văn S giữ vai trò chính trong vụ án;

[6]. Đối với bị cáo Dương Văn Q là người được Nguyễn Văn S rủ đi mua ma túy về sử dụng, nhưng bị cáo không can ngăn mà còn cầm cố chiếc điện thoại do S đưa cho để lấy tiền đi mua ma túy cùng sử dụng. Bản thân Q là người tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo S và trực tiếp cất giấu 0,2142 gam Methamphetamine. Do vậy, Dương Văn Q là đồng phạm, giữ vai trò sau bị cáo S

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn S và Dương Văn Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đều khai nhận hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[9]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân các bị cáo là người sử dụng ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, không mang tính vụ lợi, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn S ký hiệu M1 có tổng khối lượng là 0,2491 gam, Methamphetamine. Số ma túy thu giữ của Dương Văn Q ký hiệu M2 có tổng khối lượng 0,2142 gam, Methamphetamine. Sau khi lấy mẫu giám định, khối lượng Methamphetamine còn lại 0,1416 gam trong túi ký hiệu M1; 0,1441 gam trong túi ký hiệu M2. Tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 164/2018/GĐMT; toàn bộ vỏ bao gói trong phong bì niêm phong ban đầu; 01 phong bì thư dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật, bên trong đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định trọng lượng gồm: 02 vỏ túi nilon màu trắng đều có kích thước (2x2)cm, trên miệng hai túi đều

có viền chỉ màu đỏ; 02 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83 vỏ màu đỏ, do anh Lê Văn V giao nộp, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Masstel A112 vỏ màu xanh, thu giữ của Nguyễn Văn S. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên là tài sản hợp pháp của Dương Văn Q, không liên quan đến việc phạm tội. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo Q, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[12]. Đối với 01 giấy biên nhận cầm đồ thu giữ của Dương Văn Q, là tài liệu chứng cứ, làm căn cứ để giải quyết vụ án. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã đưa giấy tờ nêu trên vào hồ sơ vụ án là phù hợp.

[13] Đối với số tiền 600.000 đồng, S và Q cầm cố điện thoại để mua ma túy. Ngày 20/8/2018, chị Lê Thị T, sinh năm 1993, trú tại thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ (là vợ của S) đã hoàn trả số tiền 600.000 đồng cho anh Lê Văn V. Do vậy, không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với 01 mô tô BKS 35N6-\*\*\*\* thu giữ của Dương Văn Q được bị cáo Q và S sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông Dương Văn C. Do vậy, không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với anh Lê Văn V – chủ cửa hàng điện thoại L. Việc S và Q cầm cố điện thoại lấy tiền mua ma túy, anh V không biết. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với anh Vinh.

Đối với Trần Cao L, sinh năm 1994, trú tại thôn L, xã N, huyện H, tỉnh N, là người đã khởi xướng việc mua ma túy về sử dụng. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập nhưng đến nay L không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra Công an huyện V đã tách phần tài liệu liên quan đến Trần Cao L để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.

[14] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Nguyễn Văn S, Dương Văn Q ngày 19/8/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện V đã tiến hành điều tra xác minh, nhưng không xác định được, do đó không có căn cứ để xử lý.

[15] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo *Nguyễn Văn S, Dương Văn Q* phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/8/2018.

Xử phạt bị cáo **Dương Văn Q** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/8/2018.

## ***2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:***

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 164/2018/GĐMT, bên trong đựng: 0,1416 gam Methamphetamine trong túi ký hiệu M1; 0,1441 gam Methamphetamine trong túi ký hiệu M2 (đối tượng sau giám định); toàn bộ vỏ bao gói niêm phong. 01 phong bì thư dán kín niêm phong theo quy định của pháp luật, bên trong gồm: 02 vỏ túi nilon màu trắng đều có kích thước (2x2)cm, trên miệng hai túi đều có viên chỉ màu đỏ; 02 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83 vỏ màu đỏ, do anh Lê Văn V giao nộp, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội;

+ Trả lại bị cáo Dương Văn Q 01 điện thoại di động Masstel A112 vỏ màu xanh, thu giữ của Nguyễn Văn S, là tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/10/2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

## ***3. Về án phí:***

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn S, Dương Văn Q mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện V;
  - Trại tạm giam CA tỉnh N;
  - Công an huyện V;
  - Chi cục THADS huyện V;
  - Bị cáo; Ng-ời có QLNVLQ;
  - L- u hồ sơ, văn phòng;
- (Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

**Hà Thiện Thành**